

Số: 67/TB-ĐQLTT5

Hải Hậu, ngày 23 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tài sản đấu giá:

Lô tài sản 01:

Hàng hóa tịch thu theo Quyết định XPVPHC số 25050060/QĐ-XPVPHC ngày 18/6/2024 của Đội QLTT số 5 và Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản số 616/QĐ-QLTTND ngày 01/11/2024 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Nam Định gồm:

Số TT	Tên Hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Máy sưởi	Chiếc	5	250.000	1.250.000
Tổng cộng					1.250.000

Lô tài sản 02:

Hàng hóa tịch thu theo Quyết định XPVPHC số 25050111/QĐ-XPVPHC ngày 31/12/2024 của Đội QLTT số 5 và Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản số 67/QĐ-QLTTND ngày 28/02/2025 của Cục QLTT tỉnh Nam Định gồm:

Số TT	Tên Hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Thân máy vận vít AKUZA mã B52-MKT450, xuất xứ: Trung Quốc	Chiếc	5	350.000	1.750.000
2	Máy đầm dùi TOBOKI mã T35, xuất xứ: Trung Quốc	Chiếc	3	500.000	1.500.000

3	Máy Laser Level Q-MaxTools 666, xuất xứ: Trung Quốc	Chiếc	2	500.000	1.000.000
4	máy khoan cầm tay JV-TECH mã VT10206, xuất xứ: Trung Quốc	Chiếc	3	400.000	1.200.000
5	Máy mài FREEMAN mã FR-AG950, xuất xứ: Trung Quốc	Chiếc	1	300.000	300.000
6	Máy mài XGOLD mã 9900, xuất xứ: Trung Quốc	Chiếc	1	300.000	300.000
7	Súng bắn đinh JOK mã F30C, xuất xứ: Trung Quốc	Chiếc	2	200.000	400.000
Tổng cộng					6.450.000

Lô tài sản 03:

Hàng hóa tịch thu theo Quyết định XPVPHC số 25050025/QĐ-XPHC ngày 26/5/2025 của Đội QLTT số 5 và Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản số 1320/QĐ-SCT ngày 16/6/2025 của Sở Công Thương tỉnh Nam Định gồm:

Số TT	Tên Hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Dây sạc điện thoại Hoco.accessory, sạc điện thoại SamSung, dây bọc cao su. Xuất xứ Trung Quốc	Chiếc	14	50.000	700.000
2	Dây sạc điện thoại Hoco.accessory, sạc điện thoại SamSung, dây dù. Xuất xứ Trung Quốc	Chiếc	5	60.000	300.000
3	Dây sạc điện thoại Hoco.accessory, sạc điện thoại iPhone, sạc nhanh. Xuất xứ Trung Quốc	Chiếc	25	60.000	1.500.000

4	Dây sạc điện thoại Hoco.accessory, sạc điện thoại iPhone, sạc thường. Xuất xứ Trung Quốc	Chiếc	10	50.000	500.000
Tổng cộng					3.000.000

Lô tài sản 04:

Hàng hóa tịch thu theo Quyết định XPVPHC số 25050029/QĐ-XPHC ngày 09/6/2025 của Đội QLTT số 5 và Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản số 1385/QĐ-SCT ngày 24/6/2025 của Sở Công Thương tỉnh Nam Định.

Số TT	Tên Hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Vải may rèm. Xuất xứ Trung Quốc	Kg	161	110.000	17.710.000
Tổng cộng					17.710.000

X.H.C
ĐỘ
TUẦN
TR
SỐ
TH

2. Giá khởi điểm:

- Giá khởi điểm của lô tài sản số 01: 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).
- Giá khởi điểm của lô tài sản số 02: 6.450.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).
- Giá khởi điểm của lô tài sản số 03: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn).
- Giá khởi điểm của lô tài sản số 04: 17.710.000 đồng (Mười bảy triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình (Địa chỉ: Đường Đại Cồ Việt, phố Thiên Sơn, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình). Tổng số điểm: 99

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): Không

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)

TT	NỘI DUNG	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Bình
----	----------	--

I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	18,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0

2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0

H. V.

 L. Y.

 N. H.

 U. O.

 N.

4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 5 năm	
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	4,0
6.1	01 đấu giá viên	
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp đấu giá tư nhân	4,0
7.1	Dưới 05 năm	
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	

8.3	Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, trừ thuế giá trị gia tăng	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành 30 cuộc trở lên đối với tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá	2,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với Đội quản lý thị trường số 5 và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	2,0
3.	Trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Nam Định, không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0
	Tổng	99,0

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử Chi cục QLTT tỉnh Ninh Bình;
- Công Đấu giá tài sản quốc gia;
- Lưu VT.



Trần Duy Hiền